PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 1

Học vần · Bài 6–10: O o, Ô ô, D d Đ đ, Ơ ơ (SGK tr. 24–33)

Tuần 2

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Chính tả: hàng 1 điền d hay đ; hàng 2 điền o, ô hay ơ (kèm dấu)

đá ..... ế ..... ỗ đỏ ..... ỗ bé ô ..... ỏ

b ..... đê c ..... bé cổ c ..... b ..... cỏ

Bài 2: Nhìn hình, điền chữ cái đầu: b · c · d



..... á



..... ê



..... ò



..... ờ

Bài 3: Khoanh vào tiếng đúng yêu cầu

1. Tiếng nào có chữ ơ? A cờ B cỏ C cổ
2. Tiếng nào có dấu hỏi? A đỡ B đỏ C đọ
3. Tiếng nào có dấu ngã? A đỗ B đổ C độ
4. Tiếng nào có dấu nặng? A bò B bố C bộ

Bài 4: Ghép tiếng: nối để được từ đúng

1. bờ	a. dế
2. đá	b. đỏ
3. cổ	c. đê
4. cô	d. bé
5. đỗ	e. cò

Bài 5: Xếp các tiếng thành câu rồi viết lại

1. bế Bố bé

onthi.app
Ôn thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

2. có Bé ô đỏ

🌿 Bài 6: Đọc hiểu: đọc rồi khoanh vào ý đúng

Bé Bơ có bó cỏ. Bơ đỡ bà ở bờ đê. Bà có cờ đỏ.

1. Bé Bơ có gì? (A) bó cỏ (B) cờ đỏ (C) ô đỏ

2. Bơ đỡ ai ở bờ đê? (A) bố (B) bà (C) cô

✏️ Bài 7: Viết: tập chép từ

Chép lại cho đẹp: đỗ đỏ, bờ đê, cổ cò

ĐÁP ÁN – TIẾNG VIỆT LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 2

Bài 1: Chính tả: hàng 1 điền d hay đ; hàng 2 điền o, ô hay ơ (kèm dấu)

đá dế đỗ đỏ dỗ bé ô đỏ bờ đê cô bé cổ cò bó cỏ

Bài 2: Nhìn hình, điền chữ cái đầu: b · c · d

🐟 – cá 🐐 – dê 🐄 – bò 🚩 – cờ

Bài 3: Khoanh vào tiếng đúng yêu cầu

1. A (cờ) 2. B (đỏ) 3. A (đỗ) 4. C (bộ)

Bài 4: Ghép tiếng: nối để được từ đúng

1 – c 2 – a 3 – e 4 – d 5 – b

Bài 5: Xếp các tiếng thành câu rồi viết lại

1. Bố bế bé.
2. Bé có ô đỏ.

Bài 6: Đọc hiểu: đọc rồi khoanh vào ý đúng

1. A (bó cỏ)
2. B (bà)

Bài 7: Viết: tập chép từ

đỗ đỏ, bờ đê, cổ cò

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án